TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP.HCM** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **814**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

****

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 688/2025/TLST-VHNGĐ ngày 14/11/2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Người yêu cầu: Bà **Đỗ Thị Hồng N**, sinh năm: 1981; CCCD: 079181014050; Địa chỉ: D L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người yêu cầu: Ông **Vũ Trọng H**, sinh năm 1982; CCCD: 025082002409; Địa chỉ: D L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc các đương sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được thể hiện tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 11 năm 2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Vũ Trọng H thuận tình ly hôn với nhau.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Hồng N và ông Vũ Trọng H chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn 44 Quyển số 01/06 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/4/2006 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Vũ Trọng H xác nhận chung sống có hai con chung tên Vũ Anh Đ, sinh ngày 15/8/2007, đã thành niên và Vũ Hồng N1, sinh ngày 27/8/2014. Hiện các con chung đang do bà Đỗ Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Vũ Trọng H cùng thỏa thuận thống nhất con chung tên Vũ Hồng N1, sinh ngày 27/8/2014 cho bà Đỗ Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Vũ Trọng H tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vũ Trọng H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Vũ Trọng H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Vũ Trọng H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về lệ phí: Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Vũ Trọng H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà N, ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031065 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N, ông H đã nộp đầy đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM (1);
- VKSND KV10-TP . HCM (2);
- THADS TP . HCM (1);
- UBND phường An Lạc, TP . HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (2).

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cẩm